

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Phương Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Võ Thị Điệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Lê Thị Bích N, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã P, huyện C, Đồng Tháp.

*Bị đơn:* Phan Minh T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 05/01/2021, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị Lê Thị Bích N là nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích N và anh Phan Minh T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 05/02/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã không còn sống chung hơn 02 năm nay, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị N nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Hào T, sinh ngày 18/5/2013. Hiện nay, chị N đang nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh Phan Minh T là bị đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị N vì nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Hào T, sinh ngày 18/5/2013. Hiện nay chị N đang nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì theo anh T, tính chất công việc hiện nay của chị N không đảm bảo thời gian chăm sóc con mà phải giao con cho ông bà ngoại. Đồng thời, chị N nuôi con sẽ gây khó khăn cho việc thăm nom con của anh T. Trường hợp anh T được chấp nhận yêu cầu nuôi con thì anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:*

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn và nuôi con, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T thống nhất trình bày đã kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì không tin tưởng lẫn nhau. Chị N và anh T không còn sống chung hơn 02 năm nay. Do không thể hàn gắn tình cảm nên chị N yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T là đã trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T.

[3] Về nuôi con: Chị N và anh T trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Phan Hào T, sinh ngày 18/5/2013. Hiện nay, chị N đang nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị N và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh T cho rằng chị N đi làm sớm về trễ, không có nhiều thời gian quan tâm con. Tuy nhiên, anh T cũng thừa nhận ngoài chị N thì còn có ông bà ngoại chăm sóc cháu Hào T, hiện nay cháu vẫn được đi học, có sức khỏe tốt. Lý do anh T yêu cầu được nuôi con là nhằm đảm bảo việc thăm nom con đồng thời anh T cũng có nhiều thời gian hơn chị N. Xét thấy, hiện cháu Hào T đang chung sống với chị N ổn định, các đương sự đều thừa nhận cháu được học hành và chăm sóc tốt. Hơn nữa cháu Hào T có nguyện vọng tiếp tục sống với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp về quyền lợi mọi mặt của cháu Hào T, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị N.

[4] Anh T không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn nên có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Chị N và anh T thống nhất trình bày không có tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 14, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bích N và anh Phan Minh T.

2. Về nuôi con: Chị Lê Thị Bích N được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Hào T, sinh ngày 18/5/2013. Anh Phan Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lê Thị Bích N không yêu cầu.

Anh Phan Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Lê Thị Bích N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012189, ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã P;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phan Thị Phương Thảo**